

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 37



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH**

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 từ trang 6 đến trang 37 kèm theo.

#### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đặng Đức Thành  
Bà Đặng Bích Hồng  
Bà Lâm Thị Diệu Hương

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đặng Đức Thành

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Ngọc.

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại TP.HCM.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Công ty là Công ty mẹ của Công ty con được trình bày tại thuyết minh số 12 và Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đặng Đức Thành**  
**Tổng Giám đốc**

Bến Tre, ngày 10 tháng 05 năm 2018

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ Đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh, được lập ngày 10 tháng 05 năm 2018, từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục số 10 và mục số 16.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng: Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 120.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2017, số vốn đã góp là 109.970.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với giá trị là 3.700.000.000 đồng đã hoàn tất thủ tục chuyển giao quyền sở hữu cho Công ty ngày 28/03/2018.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục số 3.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 1496-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP.HCM**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2018*

**Lương Ngô Bảo Trân**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 1828-2018-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>59.703.228.067</b>	<b>3.511.001.730</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.577.968.811	713.189.676
Tiền	111		2.577.968.811	713.189.676
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.720.706.576	2.351.179.175
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	20.355.554	2.047.500.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		724.651.500	22.027.800
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	52.975.699.522	281.651.375
Hàng tồn kho	140	8	703.954.949	377.154.310
Hàng tồn kho	141		703.954.949	377.154.310
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.700.597.731	69.478.569
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	214.584.639	13.970.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.486.013.092	55.008.569
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-	500.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>52.679.947.320</b>	<b>6.992.892.771</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		506.250.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	7	506.250.000	-
Tài sản cố định	220	9	2.967.590.884	-
Tài sản cố định vô hình	227		2.967.590.884	-
- Nguyên giá	228		2.999.808.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.217.116)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.500.000.000	6.579.478.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	6.500.000.000	6.579.478.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250		18.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty con	251	12	18.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		24.706.106.436	413.414.771
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	24.706.106.436	413.414.771
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>112.383.175.387</b>	<b>10.503.894.501</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>948.221.161</b>	<b>860.392.994</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>948.221.161</b>	<b>860.392.994</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	539.621.304	129.004.212
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	398.964.982	59.388.782
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	9.634.875	672.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>111.434.954.226</b>	<b>9.643.501.507</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>111.434.954.226</b>	<b>9.643.501.507</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		109.970.000.000	9.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		109.970.000.000	9.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.464.954.226	143.501.507
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		143.501.507	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.321.452.719	143.501.507
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>112.383.175.387</b>	<b>10.503.894.501</b>



**Đặng Đức Thành**  
 Tổng Giám đốc  
 Bến Tre, ngày 10 tháng 05 năm 2018

**Đỗ Thị Bích Ngọc**  
 Kế toán trưởng


**Đặng Thị Minh Tuyết**  
 Người lập biểu




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 01/06/2016
			VND	đến 31/12/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	8.335.499.797	2.339.228.450
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		8.335.499.797	2.339.228.450
Giá vốn hàng bán	11	18	1.760.015.429	648.794.184
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.575.484.368	1.690.434.266
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	6.407.481	2.794.747
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	20	270.194.632	19.621.538
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	4.664.430.304	1.470.798.735
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.647.266.913	202.808.740
Thu nhập khác	31		36.160.448	-
Chi phí khác	32	21	25.289.169	-
Lợi nhuận khác	40		10.871.279	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.658.138.192	202.808.740
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	336.685.473	59.307.233
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.321.452.719	143.501.507
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	380	151
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	25	380	151

  
**Đặng Đức Thành**  
Tổng Giám đốc  
Bến Tre, ngày 10 tháng 05 năm 2018

  
**Đỗ Thị Bích Ngọc**  
Kế toán trưởng

  
**Đặng Thị Minh Tuyết**  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 01/06/2016
			VND	đến 31/12/2016 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.658.138.192	202.808.740
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		32.217.116	-
(Lãi)/Lỗ hoạt động đầu tư	05		(6.407.481)	(2.794.747)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>1.683.947.827</b>	<b>200.013.993</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(54.306.281.924)	(2.406.687.744)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(326.800.639)	(377.154.310)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(189.550.073)	801.085.761
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(24.493.306.304)	(427.384.771)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(59.307.233)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(77.691.298.346)</b>	<b>(2.210.127.071)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.999.808.000)	(6.579.478.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		79.478.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.000.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.407.481	2.794.747
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(20.913.922.519)</b>	<b>(6.576.683.253)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		100.470.000.000	9.500.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>100.470.000.000</b>	<b>9.500.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>1.864.779.135</b>	<b>713.189.676</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	713.189.676	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	5	<b>2.577.968.811</b>	<b>713.189.676</b>



**Đặng Đức Thành**  
 Tổng Giám đốc  
 Bến Tre, ngày 10 tháng 05 năm 2018

  
**Đỗ Thị Bích Ngọc**  
 Kế toán trưởng

  
**Đặng Thị Minh Tuyết**  
 Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên tiếng Anh là Green Herbs Investment Joint Stock Company, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2016, thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 đồng, chia thành 12.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại: kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng, kinh doanh bất động sản.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thực phẩm chức năng.
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty chủ yếu là kinh doanh thực phẩm chức năng, kinh doanh bất động sản. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục trong tháng.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp thực phẩm chức năng, kinh doanh bất động sản. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty sẽ ảnh hưởng đến doanh thu. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành sẽ làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**1.6 CẤU TRÚC CÔNG TY**

Công ty có 01 công ty con, không có công ty liên kết liên doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)**

<u>Công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>
Công ty Cổ phần Linh Chi Vina	394/1 Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp.HCM	Sản xuất, bán buôn, bán lẻ cây nấm	60%	60%

Công ty có các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Nguyễn Văn Linh)	13C Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	Buôn bán thực phẩm chức năng
- Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Madagui)	Khu du lịch rừng Madagui, Khu phố 1, Thị trấn Madagui, Huyện Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đông	Buôn bán thực phẩm chức năng
- Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Bình Châu)	Quốc lộ 55, Xã Bình Châu, Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu	Buôn bán thực phẩm chức năng

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỲ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, và Thông tư 53/2016/T-BTC của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được áp dụng theo chế độ kế toán quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, và Thông tư 53/2016/T-BTC của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

**4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được cấp, được điều chuyển đến bao gồm: Giá trị còn lại trên sổ kế toán của tài sản cố định ở doanh nghiệp cấp, doanh nghiệp điều chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp như vận chuyển, bốc dỡ, chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có)... mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-TC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư số 147.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty. Quyền sử dụng đất được trích khấu hao 50 năm theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

**Chi phí khác**

Chi phí khác thể hiện chi phí quảng cáo, thiết kế, xét nghiệm và công bố chất lượng sản phẩm, phí dịch vụ in ấn, chi phí phần mềm máy tính,...các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí thuê 45 sạp tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, phân bổ theo thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053.

**4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

**4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.9 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.10 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.11 NGOẠI TỆ**

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây tại thời điểm phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí tài chính khi xác định thu nhập chịu thuế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.13 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Dịch vụ của Công ty cung cấp là buôn bán thực phẩm chức năng, phần lớn khách hàng sử dụng dịch vụ trọn gói, vì vậy Công ty xác định không có sự khác biệt về lĩnh vực kinh doanh cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bến Tre, Lâm Đồng và Bà Rịa - Vũng Tàu. Vì vậy, báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Khoản mục không được phân bổ là chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.14 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty là Công ty Cổ phần Linh Chi Vina, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	33.588.500	161.826.894
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.544.380.311	551.362.782
<b>Cộng</b>	<b>2.577.968.811</b>	<b>713.189.676</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	20.355.554	2.047.500.000
- Ông Nguyễn Thanh Sơn	-	2.047.500.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	20.355.554	-
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.355.554</b>	<b>2.047.500.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH**  
 Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, An Phước, Châu Thành, Tỉnh Bến Tre  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>52.975.699.522</b>	-	<b>281.651.375</b>	-
- Ông Đặng Thanh Sơn	245.000.000	-	245.000.000	-
- Tam ứng	6.600.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	93.000.000	-	33.000.000	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	3.651.375	-
- Ông Lê Đình Phong (*)	20.458.000.000	-	-	-
- Ông Phạm Văn Sơn (**)	30.000.000.000	-	-	-
- Phải thu tiền tài trợ dự án khởi nghiệp Tỉnh Bến Tre	1.080.000.000	-	-	-
- Phải thu chi phí tổ chức sự kiện	963.391.734	-	-	-
- Phải thu khác	129.707.788	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>506.250.000</b>	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	506.250.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>53.481.949.522</b>	-	<b>281.651.375</b>	-

(\*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 04/BBH/HĐQT-2017 ngày 10/07/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh thông qua việc đầu tư cổ phần phổ thông do Công ty CP Căn Nhà Mơ Ước Cửu Long phát hành, Hội đồng Quản trị đồng ý tạm ứng vốn cho Ông Lê Đình Phong để thực hiện việc thu mua, thực hiện thủ tục sở hữu cho Công ty. Tới thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng cổ phần.

(\*\*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 05/BBH/HĐQT-2017 ngày 15/07/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh thông qua việc mua tầng 2 (thương mại – dịch vụ) khu Chung cư – Thương mại cao cấp Bầu Thạc Gián, Đà Nẵng để khai thác cho thuê. Tổng giá trị đầu tư là 42.000.000.000 đồng. Hội đồng quản trị đồng ý tạm ứng vốn và giao cho Ông Phạm Văn Sơn thực hiện hỗ trợ đối tác giải chấp tài sản với ngân hàng và thủ tục chuyển quyền sở hữu cho Công ty. Tới thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH**  
Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, An Phước, Châu Thành, Tỉnh Bến Tre  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.362.000	-	5.462.000	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	31.154.000	-
Hàng hóa	685.592.949	-	340.538.310	-
<b>Cộng</b>	<b>703.954.949</b>	<b>-</b>	<b>377.154.310</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/01/2017	-	-
- Mua trong năm (*)	2.999.808.000	2.999.808.000
Tại 31/12/2017	<u>2.999.808.000</u>	<u>2.999.808.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
Tại 01/01/2017	-	-
- Khấu hao trong năm	(32.217.116)	(32.217.116)
Tại 31/12/2017	<u>(32.217.116)</u>	<u>(32.217.116)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2017	-	-
Tại 31/12/2017	<u>2.967.590.884</u>	<u>2.967.590.884</u>

(\*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần, thửa đất số 653 tờ bản đồ số 5 diện tích đất là 9.374,4 m<sup>2</sup> tại xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 19/06/2067.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 0 đồng.

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>6.579.478.000</b>
- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn hộ 1.10 Lô AB chung cư Aview (*)	3.700.000.000	3.700.000.000
- Chi phí mua sắm Lô 1.09 Chung cư Aview	2.800.000.000	2.800.000.000
- Chi phí đầu tư trại nấm giống Madagui	-	79.478.000
<b>Cộng</b>	<u><b>6.500.000.000</b></u>	<u><b>6.579.478.000</b></u>

(\*) Căn cứ Biên bản họp Hội đồng cổ đông số 01/BBH/HĐCĐ ngày 01/06/2016 và Biên bản bàn giao tài sản ngày 01/06/2016 thông qua việc góp vốn của Ông Đặng Đức Thành bằng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 704358 là căn hộ tầng trệt 1.10 Lô AB Chung cư Aview 1, KDC 13C Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP.HCM với giá trị góp vốn 3.700.000.000 đồng làm trụ sở Chi nhánh Công ty. Tài sản này đã chuyển quyền sở hữu cho Công ty ngày 28/03/2018.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>Tại 01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>214.584.639</b>	<b>13.970.000</b>
- Chi phí thuê nhà	-	13.970.000
- Chi phí công cụ, dụng cụ	28.899.768	-
- Chi phí phần mềm	23.367.934	-
- Chi phí quảng cáo, quay phim	114.126.250	-
- Chi phí xét nghiệm, phân tích mẫu	13.416.667	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	34.774.020	-
<b>Dài hạn</b>	<b>24.706.106.436</b>	<b>413.414.771</b>
- Chi phí thuê 45 sạp (*)	24.264.366.103	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	217.892.459	183.841.543
- Chi phí phần mềm quản lý	6.661.917	3.035.342
- Chi phí quảng cáo, quay phim	127.777.521	81.625.009
- Chi phí xét nghiệm, phân tích mẫu	11.558.134	144.912.877
- Phí thi công thiết kế nội thất	51.744.767	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	26.105.535	-
<b>Cộng</b>	<b>24.920.691.075</b>	<b>427.384.771</b>

(\*) Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Quản lý & Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức thuê 45 ô vựa có tổng diện tích 488,30 m<sup>2</sup> tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH**  
 Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, An Phước, Châu Thành, Tỉnh Bến Tre  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	18.000.000.000	18.000.000.000	-	-
+ Công ty CP Linh Chi Vina (*)	18.000.000.000	18.000.000.000	-	-

(\*) Là khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Linh Chi Vina với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 60%.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>539.621.304</b>	<b>539.621.304</b>	<b>129.004.212</b>	<b>129.004.212</b>
- Công ty TNHH Ong Mật TRACYBEE	64.449.680	64.449.680	29.317.200	29.317.200
- Công ty TNHH Sản xuất Mỹ phẩm Lan Hào	8.186.640	8.186.640	13.919.400	13.919.400
- Công ty TNHH Tân Tâm Long	-	-	12.798.720	12.798.720
- Công ty Cổ Phần DAVID HEALTH Việt Nam	24.666.600	24.666.600	24.666.600	24.666.600
- Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	27.370.200	27.370.200	-	-
- Công ty Cổ phần Linh Chi Vina	241.990.000	241.990.000	4.500.000	4.500.000
- Thời báo Kinh tế Việt Nam	88.000.000	88.000.000	-	-
- Báo Sài Gòn Giải Phóng	30.500.000	30.500.000	-	-
- Các khoản phải trả người bán khác	54.458.184	54.458.184	43.802.292	43.802.292
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>241.990.000</b>	<b>241.990.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Linh Chi Vina	241.990.000	241.990.000	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DUYỆC XANH**

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, An Phước, Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2017		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Tại 31/12/2017	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	81.549	54.095.475	54.095.475	20.364.215	20.364.215	33.812.809		
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	26.454.957	26.454.957	26.454.957	26.454.957	-		
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	46.407.363	46.407.363	23.670.663	23.670.663	22.736.700		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	59.307.233	336.685.473	336.685.473	59.307.233	59.307.233	336.685.473		
- Thuế thu nhập cá nhân	-	34.950.000	34.950.000	29.220.000	29.220.000	5.730.000		
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.999.808.000	2.999.808.000	2.999.808.000	2.999.808.000	-		
- Thuế môn bài	-	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	-		
<b>Cộng</b>	<b>59.388.782</b>	<b>3.506.401.268</b>	<b>3.506.401.268</b>	<b>3.166.825.068</b>	<b>3.166.825.068</b>	<b>398.964.982</b>		
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>								
- Thuế môn bài	500.000	-	-	500.000	500.000	-		
<b>Cộng</b>	<b>500.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>500.000</b>	<b>500.000</b>	<b>-</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Ông Đặng Đức Thành	-	672.000.000
- Các khoản bảo hiểm trích theo lương	9.634.875	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<u>9.634.875</u>	<u>672.000.000</u>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Tại 01/06/2016</b>	-	-	-
- Tăng vốn trong kỳ	9.500.000.000	-	9.500.000.000
- Lãi trong kỳ	-	143.501.507	143.501.507
<b>Tại 31/12/2016</b>	<u>9.500.000.000</u>	<u>143.501.507</u>	<u>9.643.501.507</u>
<b>Tại 01/01/2017</b>	9.500.000.000	143.501.507	9.643.501.507
- Tăng vốn trong năm	100.470.000.000	-	100.470.000.000
- Lãi trong năm	-	1.321.452.719	1.321.452.719
<b>Tại 31/12/2017</b>	<u>109.970.000.000</u>	<u>1.464.954.226</u>	<u>111.434.954.226</u>

**16.2 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	VND
- Ông Đặng Đức Thành	29,04%	31.930.000.000	48,42%	4.600.000.000
- Bà Lê Thị Tuyền	1,09%	1.200.000.000	12,63%	1.200.000.000
- Bà Nguyễn Phước Hải Yến	1,09%	1.200.000.000	12,63%	1.200.000.000
- Ông Nguyễn Nam Hải	3,27%	3.600.000.000	11,58%	1.100.000.000
- Bà Lâm Thị Diệu Hương	7,46%	8.200.000.000	-	-
- Ông Cổ Đức Trọng	4,82%	5.300.000.000	-	-
- Ông Phan Văn Thêm	2,18%	2.400.000.000	-	-
- Bà Phan Thị Nhiều	4,36%	4.800.000.000	-	-
- Công ty TNHH Quản lý & Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	32,74%	36.000.000.000	-	-
- Cổ đông khác	13,95%	15.340.000.000	14,74%	1.400.000.000
<b>Cộng</b>	<u>100%</u>	<u>109.970.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>9.500.000.000</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**16.2 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Theo Quyết định số 04/QĐCĐ của Đại hội Cổ đông ngày 05/06/2017, Công ty phát hành thêm 9.600.000 cổ phần, tăng vốn điều lệ từ 24.000.000.000 đồng lên 120.000.000.000 đồng. Tổng số vốn thực góp đến ngày 31/12/2017 là 109.970.000.000 đồng, trong đó góp vốn bằng tiền mặt là 7.290.000.000 đồng, góp vốn bằng tài sản là 3.700.000.000 đồng.

**16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2017	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	9.500.000.000	-
+ Vốn góp tăng trong năm	100.470.000.000	9.500.000.000
+ Vốn góp cuối năm	109.970.000.000	9.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**16.4 CỔ PHIẾU**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	2.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.997.000	950.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.997.000	950.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.997.000	950.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.997.000	950.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.335.499.797	2.339.228.450
- Doanh thu bán hàng hóa	7.048.954.344	2.339.228.450
- Doanh thu cho thuê sạp	1.286.545.453	-
b) Doanh thu với các bên liên quan	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.335.499.797</b>	<b>2.339.228.450</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.475.222.429	648.794.184
Giá vốn cho thuê sạp	284.793.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.760.015.429</b>	<b>648.794.184</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	6.407.481	2.794.747
<b>Cộng</b>	<b>6.407.481</b>	<b>2.794.747</b>

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
a) Chi phí bán hàng	270.194.632	19.621.538
- Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	79.597.500	8.214.545
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	181.093.518	9.440.860
- Chi phí bằng tiền khác	9.503.614	1.966.133
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.664.430.304	1.470.798.735
- Chi phí nhân viên quản lý	3.026.972.000	1.092.064.000
- Chi phí vật liệu quản lý	12.997.273	42.727.592
- Chi phí đồ dùng văn phòng	10.787.947	10.995.068
- Chi phí khấu hao	32.217.116	-
- Thuế, phí và lệ phí	39.900.976	17.171.926
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.193.518.257	103.945.605
- Chi phí bằng tiền khác	348.036.735	203.894.544

**21. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính	17.697.489	-
Các khoản chi phí khác	7.591.680	-
<b>Cộng</b>	<b>25.289.169</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.567.817.202	699.736.321
Chi phí nhân công	3.026.972.000	1.092.064.000
Khấu hao tài sản cố định	32.217.116	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.670.192.722	124.381.533
Chi phí bằng tiền khác	397.441.325	223.032.603
<b>Cộng</b>	<b>6.694.640.365</b>	<b>2.139.214.457</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Chỉ tiêu	Năm 2017	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.658.138.192</b>	<b>202.808.740</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	25.289.169	93.727.420
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>25.289.169</i>	<i>93.727.420</i>
- Chi phí không được trừ	7.591.680	93.727.420
- Phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	17.697.489	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>1.683.427.361</b>	<b>296.536.160</b>
Thuế suất TNDN	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>336.685.473</b>	<b>59.307.233</b>

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.321.452.719	143.501.507
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	3.474.079	950.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>380</b>	<b>151</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**25. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.321.452.719	143.501.507
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Tổng số lượng cổ phiếu	3.474.079	950.000
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	3.474.079	950.000
+ Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>380</b>	<b>151</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỠC XANH**  
 Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, An Phước, Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**26. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực địa lý bao gồm: bộ phận tại văn phòng Bến Tre, Chi nhánh Madagui, Chi nhánh Nguyễn Văn Linh và Chi nhánh Bình Châu.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

Năm 2017	Chi nhánh	Chi nhánh Nguyễn	Chi nhánh	Văn phòng	Cộng
	Madagui	Văn Linh	Bình Châu	Bến Tre	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.248.910	7.008.805.070	27.791.274	1.289.654.543	8.335.499.797
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>9.248.910</b>	<b>7.008.805.070</b>	<b>27.791.274</b>	<b>1.289.654.543</b>	<b>8.335.499.797</b>
Chi phí bộ phận	(6.490.960)	(1.448.164.919)	(19.127.864)	(286.231.686)	(1.760.015.429)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.757.950	5.560.640.151	8.663.410	1.003.422.857	6.575.484.368
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(4.934.624.936)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.640.859.432</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	6.407.481
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-
Thu nhập khác	-	-	-	-	36.160.448
Chi phí khác	-	-	-	-	(25.289.169)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(336.685.473)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.321.452.719</b>
Tổng tài sản					112.383.175.387
Tổng nợ phải trả					948.221.161

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DUYỆC XANH**  
 Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, An Phước, Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**26. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Từ ngày 01/06/2016 đến ngày 31/12/2016

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

**Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi phí bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh**

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**

**Tổng tài sản**

**Tổng nợ phải trả**

	Chi nhánh Madagui	Chi nhánh Nguyễn Văn Linh	Chi nhánh Bình Châu	Văn phòng Bến Tre	Cộng
	11.802.000	2.247.022.359	36.426.091	43.978.000	2.339.228.450
	<b>11.802.000</b>	<b>2.247.022.359</b>	<b>36.426.091</b>	<b>43.978.000</b>	<b>2.339.228.450</b>
	(9.406.299)	(568.819.645)	(26.590.240)	(43.978.000)	(648.794.184)
	2.395.701	1.678.202.714	9.835.851	-	1.690.434.266
	-	-	-	-	(1.490.420.273)
	-	-	-	-	<b>200.013.993</b>
	-	-	-	-	2.794.747
	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	(59.307.233)
	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	<b>143.501.507</b>
					<b>10.503.894.501</b>
					<b>860.392.994</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>Tại 01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.577.968.811	713.189.676
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.495.705.076	2.329.151.375
<b>Cộng</b>	<b>74.073.673.887</b>	<b>3.042.341.051</b>
	<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>Tại 01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	549.256.179	801.004.212
<b>Cộng</b>	<b>549.256.179</b>	<b>801.004.212</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****TÀI SẢN ĐẢM BẢO*****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

***Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác***

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2017.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty ít thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty không phát sinh các khoản vay do đó ít chịu rủi ro về lãi suất.

***Rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	549.256.179	-	549.256.179
<b>Cộng</b>	<b>549.256.179</b>	<b>-</b>	<b>549.256.179</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	801.004.212	-	801.004.212
<b>Cộng</b>	<b>801.004.212</b>	<b>-</b>	<b>801.004.212</b>

Ban Lãnh đạo đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Lãnh đạo tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.577.968.811	-	2.577.968.811
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.495.705.076	-	53.495.705.076
<b>Cộng</b>	<b>56.073.673.887</b>	<b>-</b>	<b>74.073.673.887</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	713.189.676	-	713.189.676
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.329.151.375	-	2.329.151.375
<b>Cộng</b>	<b>3.042.341.051</b>	<b>-</b>	<b>3.042.341.051</b>

**28. THÔNG TIN KHÁC**

**28.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và/hoặc có số dư tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

	Năm 2017 VND	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016 VND
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>		
- Công ty Cổ phần Linh Chi Vina	172.070.000	-
- Công ty TNHH Quản lý & Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	24.549.159.103	-
<b><u>Số dư với các bên liên quan</u></b>		
	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Các khoản phải trả người bán</b>		
- Công ty Cổ phần Linh Chi Vina	241.990.000	-
<b>Các khoản phải trả khác</b>	-	<b>672.000.000</b>
- Ông Đặng Đức Thành	-	672.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**28.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

	Năm 2017	Từ 01/06/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	369.120.000	220.000.000

**28.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**28.3 CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Quản lý & Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức thuê 45 ô vừa có tổng diện tích 488,30 m<sup>2</sup> tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053.

**28.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**


Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.


**28.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

  
**Đặng Đức Thành**  
Tổng Giám đốc  
Bến Tre, ngày 10 tháng 05 năm 2018

  
**Đỗ Thị Bích Ngọc**  
Kế toán trưởng

  
**Đặng Thị Minh Tuyết**  
Người lập biểu